

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Số: 23 /KL-TTr

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 30/QĐ-TTr ngày 02/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội, từ ngày 10/01/2024 đến ngày 15/01/2024, Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh tại Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội (sau đây gọi là Trường); thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 19/01/2024 của Trường đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội
- Người đại diện theo pháp luật: bà Phạm Thị Hương, chức vụ: Hiệu trưởng.

2. Địa chỉ

2.1. **Trụ sở chính:** số 131, phố Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.853.2033; email: info@hnivc.edu.vn.

2.2. **Phân hiệu/cơ sở đào tạo/địa điểm đào tạo:** không.

3. **Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** Trường công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố Hà Nội.

4. Quyết định thành lập

Quyết định số 1984/QĐ-LĐTĐBXH ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội.

5. Hội đồng trường; Quy chế tổ chức, hoạt động; Hiệu trưởng

5.1. Hội đồng trường

- Hội đồng trường thành lập theo Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, thành phần gồm 17 thành viên bảo đảm theo quy định. Bà Phạm Thị Hương - Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng trường (Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ

tịch UBND thành phố Hà Nội), đã được cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng kỹ năng quản lý cơ sở dạy nghề theo chương trình quốc tế Anh Quốc ngày 22/8/2014 của Tổng cục Dạy nghề, nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

- Hội đồng trường đã tổ chức họp định kỳ 03 tháng/lần theo quy định: năm 2022, biên bản họp các ngày 18/3/2022, 15/6/2022, 12/9/2022, 05/12/2022; năm 2023, biên bản họp các ngày 20/3/2023, 16/5/2023, 12/9/2023, 27/12/2023.

5.2. Quy chế tổ chức, hoạt động

- Hiệu trưởng đã ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường (Quyết định số 01/QĐ-CĐNCN ngày 04/01/2022, Quyết định số 01/QĐ-CĐCNC ngày 03/01/2023), có các nội dung theo quy định.

- Chủ tịch Hội đồng trường đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường sau khi có ý kiến phê duyệt của UBND thành phố Hà Nội (Quyết định số 258/QĐ-HĐT ngày 12/8/2020), có các nội dung theo quy định.

5.3. Hiệu trưởng

Bà Phạm Thị Hường được bổ nhiệm Hiệu trưởng theo Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, đã được cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng kỹ năng quản lý cơ sở dạy nghề theo chương trình quốc tế Anh Quốc ngày 22/8/2014 của Tổng cục Dạy nghề, nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

6. Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Trường đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 07/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 20/01/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 55/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 11/7/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 10/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 02/02/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 63/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/8/2023.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất sử dụng của Trường: 25.656,2 m², trong đó:

+ Tại trụ sở chính: 24.040 m² (Giấy sử dụng đất số 153/UB/KTCB ngày 12/6/1975 của UBND hành chính thành phố Hà Nội, diện tích 18.800 m²; Giấy sử dụng đất số 632/UB/KTCB ngày 13/12/1976 của UBND hành chính thành phố Hà Nội, diện tích 5.240 m²).

+ Tại thôn Phùng Khoang, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội: 1.616,2 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số BM666158 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 18/01/2013, chưa xây dựng công trình).

- Phòng học lý thuyết tại trụ sở chính 45 phòng, tổng diện tích 3.430 m².

- Phòng, xưởng thực hành, thực tập, thí nghiệm tại trụ sở chính: 54 phòng, tổng diện tích 7.010 m².

Tổng diện tích của phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành, thực tập, thí nghiệm 10.440 m². Diện tích bình quân phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành, thực tập, thí nghiệm dùng cho giảng dạy, học tập của Trường: 10.440 m² x 2 ca học/3.217 học sinh, sinh viên = 6,5 m²/chỗ học đảm bảo theo quy định (tại thời điểm thanh tra, Trường đang tổ chức đào tạo 3.217 học sinh, sinh viên).

- Thư viện: diện tích 120 m², chưa có phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu.

- Phòng làm việc của Ban giám hiệu, các phòng khoa chuyên môn: 37 phòng, tổng diện tích 2.088 m², 82 cán bộ, nhân viên đang làm việc, diện tích bình quân 2.088 m²/82 = 25,46 m²/người đảm bảo diện tích theo quy định.

- Các công trình phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí, y tế, dịch vụ khác:

+ Nhà ăn: diện tích 120 m².

+ Phòng y tế: diện tích 60 m², bố 02 cán bộ y tế, có tủ thuốc và dụng cụ sơ cứu ban đầu.

+ Khu thể thao: diện tích 500 m² (01 sân bóng đá 400 m²; 02 sân cầu lông 100 m²).

+ Kho vật tư: diện tích 200 m².

+ Nhà để xe: diện tích 1.100 m² (01 nhà để xe cán bộ, giảng viên 300 m², 01 nhà để xe học sinh, sinh viên diện tích 800 m²).

+ Căng tin phục vụ học sinh, sinh viên: diện tích 200 m².

+ Đường bộ, cây xanh: diện tích 4.202 m².

2. Trang thiết bị đào tạo

Kiểm tra thiết bị đào tạo 15 nghề đào tạo trình độ cao đẳng so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu, kết quả:

- Có 14/15 nghề đủ thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định: công nghệ ô tô; công nghệ thông tin; cơ điện tử; cắt gọt kim loại; điện công nghiệp; kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; điện tử công nghiệp; điện dân dụng; công nghệ kỹ thuật cơ khí; truyền thông và mạng máy tính; công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà; quản trị du lịch và dịch vụ lễ hành; chăm sóc sắc đẹp; hàn.

- Có 01/15 nghề thiếu thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định: nghề thiết kế đồ họa thiếu 04/603 thiết bị, chiếm tỷ lệ 0,7% (01 công cụ tạo hình ảnh holographic; 01 máy in bẹt khổ lớn; 02 máy in, khắc bằng lazer máy phi kim).

3. Đội ngũ nhà giáo

3.1. Cán bộ quản lý, cán bộ các phòng, khoa chuyên môn

Tổng số cán bộ: 82 người, trong đó Ban giám hiệu: 03 người; lãnh đạo các phòng, khoa chuyên môn: 26 người; cán bộ các phòng, khoa chuyên môn: 53 người.

3.2. Đội ngũ nhà giáo

- Tổng số nhà giáo 163 người, trong đó: 127 nhà giáo cơ hữu (chiếm tỷ lệ 77,9%); 36 nhà giáo thỉnh giảng (chiếm tỷ lệ 22,1%).

- Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên: 3.217 học sinh, sinh viên/163 nhà giáo = 19,7 bảo đảm theo quy định; số nhà giáo cơ hữu đảm bảo đảm nhận tối thiểu 60% chương trình của ngành nghề đào tạo.

- Tiêu chuẩn nhà giáo:

+ Trình độ chuyên môn: 02 người trình độ tiến sỹ, 114 người trình độ thạc sỹ, 46 người trình độ đại học, 01 người công nhân kỹ thuật bậc 7/7.

+ Nghiệp vụ sư phạm: 148 người có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên đại học, cao đẳng; 12 người trình độ đại học sư phạm; 03 người trình độ cao đẳng sư phạm.

+ Trình độ ngoại ngữ: 38 người trình độ đại học, 125 người có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh.

+ Trình độ tin học: 02 người trình độ thạc sỹ, 30 người trình độ đại học, 02 người trình độ cao đẳng, 129 người có chứng chỉ tin học.

+ Kỹ năng nghề: 119 người dạy thực hành, tích hợp, trong đó 79 người có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3, 02 người có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2, 19 người có chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề, 02 người có kỹ năng thực hành nghề bậc 4 của Úc, 02 người có kỹ năng thực hành nghề bậc 4 của Malaysia, 04 người có bằng cao đẳng nghề, 08 người thợ bậc thợ 5/7, 01 người thợ bậc 7/7, 02 người thợ bậc 4/7.

- Hiệu trưởng đã ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo, trong đó quy định mức giờ giảng và thời gian nghỉ hằng năm (Quyết định số 21/QĐ-CĐNCN ngày 04/01/2022, Quyết định số 213/QĐ-CĐNCN ngày 28/3/2023), tuy nhiên, chưa quy định số giờ nghiên cứu khoa học tối thiểu mà nhà giáo phải thực hiện trong năm học.

- Hằng năm, Trường đã xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn để nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động của nhà giáo (Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên số 43/KH-CĐNCN ngày 15/8/2022; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên số 42/KH-CĐNCN ngày 15/8/2023).

4. Chương trình, giáo trình đào tạo

4.1. Chương trình đào tạo

Trong kỳ thanh tra, bên cạnh việc sử dụng 24 chương trình đào tạo được xây dựng trước đó, Trường đã xây dựng, thẩm định và ban hành 08 chương trình đào tạo theo quy định (*chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo*).

4.2. Giáo trình đào tạo

Đã xây dựng, thẩm định và ban hành 114 giáo trình đào tạo theo quy định (*chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo*).

5. Công tác tuyển sinh

- Đã ban hành Quy chế tuyển sinh kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CĐNCN ngày 04/01/2022, Quyết định số 37/QĐ-CĐNCN ngày 03/01/2023.

- Đã thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh theo quy định: Quyết định số 10/QĐ-CĐNCN ngày 04/01/2022 thành lập Hội đồng tuyển sinh và Quyết định số 12/QĐ-CĐNCN ngày 04/01/2022 về việc thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 33/QĐ-CĐNCN ngày 03/01/2023 thành lập Hội đồng tuyển sinh và Quyết định số 34/QĐ-CĐNCN ngày 03/01/2023 thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm 2023.

- Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển:

+ Đã thông báo tuyển sinh đến các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trang thông tin điện tử của Trường (<https://hnivc.edu.vn/>). Hồ sơ tuyển sinh gồm: phiếu đăng ký tuyển sinh; bản sao học bạ, bằng tốt nghiệp/giấy chứng nhận tốt nghiệp, sơ yếu lý lịch, giấy khai sinh, căn cước công dân, giấy ưu tiên. Thủ tục đăng ký: nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua bưu điện hoặc đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử của Trường.

+ Kiểm tra 61 hồ sơ đăng ký dự tuyển sinh (28 hồ sơ đăng ký dự tuyển năm 2022 trình độ trung cấp ngành thiết kế đồ họa; 33 hồ sơ đăng ký dự tuyển năm 2023 trình độ trung cấp ngành công nghệ thông tin), kết quả: 61/61 hồ sơ có phiếu đăng ký xét tuyển, bản sao học bạ, bản sao bằng tốt nghiệp/chứng nhận tốt nghiệp, bản sao sơ yếu lý lịch, bản sao giấy khai sinh, bản sao căn cước công dân.

- Đã thực hiện tuyển sinh theo hình thức xét tuyển học bạ.

- Kết quả tuyển sinh: đã tuyển sinh 4.289 người (trình độ cao đẳng 1.990 người, trình độ trung cấp 861 người, trình độ sơ cấp 32 người, đào tạo dưới 03 tháng 1.421 người):

+ Năm 2022: tuyển sinh 2.659 người (trình độ cao đẳng 1.060 người, trình độ trung cấp 393 người, trình độ sơ cấp 28 người, đào tạo dưới 03 tháng 1.178 người), đạt tỷ lệ 74,8% tổng quy mô tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp/1.980 người.

+ Năm 2023: tuyển sinh 1.645 người (trình độ cao đẳng 930 người, trình độ trung cấp 468 người, trình độ sơ cấp 04 người, đào tạo dưới 03 tháng 243 người), đạt tỷ lệ 71,2% tổng quy mô tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp/1.970 người.

- Hiệu trưởng đã ban hành các quyết định mở 194 lớp, trong đó: năm 2022: 127 lớp (40 lớp trình độ cao đẳng, 20 lớp trình độ trung cấp, 03 lớp trình độ sơ cấp; 64 lớp đào tạo dưới 03 tháng); năm 2023: 67 lớp (33 lớp trình độ cao đẳng, 21 lớp trình độ trung cấp, 04 lớp trình độ sơ cấp, 09 lớp đào tạo dưới 03 tháng).

- Kiểm tra 76 hồ sơ trúng tuyển (40 hồ sơ trúng tuyển năm 2022 trình độ cao đẳng ngành cơ điện tử và 36 hồ sơ trúng tuyển năm 2023 trình độ cao đẳng ngành công nghệ ô tô), kết quả: 76/76 hồ sơ có giấy triệu tập trúng tuyển của Hiệu trưởng, bản sao bằng tốt nghiệp/giấy chứng nhận tốt nghiệp, bản sao học bạ, bản sao sơ yếu lý lịch, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh, giấy chứng nhận sức khỏe trước khi nhập học.

- Hằng năm, Trường đã báo cáo kết quả tuyển sinh tại phần mềm Quản lý số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (<http://qltuyensinh.gdnn.gov.vn>); báo cáo Sở LĐTBXH thành phố Hà Nội về kết quả tuyển sinh và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh (Công văn số 66/BC-CDNCN ngày 22/12/2021; Công văn 65/BC-CDNCN ngày 16/12/2022).

6. Công tác đào tạo

6.1. Xây dựng quy chế đào tạo và thông báo công khai các nội dung về đào tạo

- Đã ban hành quy chế đào tạo kèm theo Quyết định số 421/QĐ/QĐ-CDNCN ngày 16/5/2022, Quyết định số 465/QĐ/QĐ-CDNCN ngày 25/7/2023.

- Đã công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng; mục tiêu, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt sau khi tốt nghiệp; chương trình của từng ngành, nghề đào tạo; thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; kế hoạch đào tạo; thời gian dự kiến thi tốt nghiệp; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp tại trang thông tin điện tử của Trường và phổ biến trong tuần đầu khóa học khi học sinh, sinh viên nhập học.

6.2. Kết quả đào tạo

* Tại địa điểm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

- Đã tổ chức đào tạo 333 lớp cho 9.380 học sinh, sinh viên, cụ thể: năm 2022: 162 lớp, 4.742 học sinh, sinh viên (trình độ cao đẳng 2.703 người, trình độ trung cấp 833 người, trình độ sơ cấp 28 người và đào tạo dưới 03 tháng 1.178 người); năm 2023: 171 lớp, 4.638 học sinh, sinh viên (trình độ cao đẳng 3.311 người, trình độ trung cấp 1.080 người, trình độ sơ cấp 04 người và đào tạo dưới 03 tháng 243 người).

- Kiểm tra số lên lớp của 14 lớp đào tạo trình độ cao đẳng ngành công nghệ ô tô khóa 46 và khóa 47 học kỳ 1 năm học 2023 - 2024, kết quả: Trường bố trí 14 lớp học tích hợp vượt quá quy mô (theo quy định không quá 18 học viên, học sinh, sinh viên/lớp), cụ thể:

+ Lớp CD46 công nghệ ô tô 1: số lượng 33 người/lớp, vượt 83,3% quy mô lớp học.

+ Lớp CD46 công nghệ ô tô 2: số lượng 42 người/lớp, vượt 133,3% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ46 công nghệ ô tô 3: số lượng 34 người/lớp, vượt 88,8% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ46 công nghệ ô tô 4: số lượng 38 người/lớp, vượt 111% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ46 công nghệ ô tô 5: số lượng 35 người/lớp, vượt 94,4% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ46 công nghệ ô tô 6: số lượng 37 người/lớp, vượt 105,5% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ46 công nghệ ô tô 7: số lượng 27 người/lớp, vượt 50% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ46 công nghệ ô tô 8: số lượng 28 người/lớp, vượt 55,5% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ47 công nghệ ô tô 1: số lượng 43 người/lớp, vượt 138,8% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ47 công nghệ ô tô 2: số lượng 41 người/lớp, vượt 127,7% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ47 công nghệ ô tô 3: số lượng 41 người/lớp, vượt 127,7% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ47 công nghệ ô tô 4: số lượng 49 người/lớp, vượt 172,2% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ47 công nghệ ô tô 5: số lượng 46 người/lớp, vượt 155,5% quy mô lớp học.

+ Lớp CĐ47 công nghệ ô tô 6: số lượng 49 người/lớp, vượt 172,2% quy mô lớp học.

- Kiểm tra hồ sơ đào tạo trình độ cao đẳng lớp CĐ44 công nghệ ô tô 1 niên khóa 2020 - 2023, kết quả:

+ Đã ban hành chương trình đào tạo (Quyết định số 326/QĐ-CĐNCN ngày 01/9/2017 ban hành chương trình đào tạo ngành công nghệ ô tô; Quyết định số 251/QĐ-CĐNCN ngày 28/5/2019 ban hành chương trình đào tạo các môn học chung trình độ trung cấp, cao đẳng); kế hoạch đào tạo niên khóa 2020 - 2023, kế hoạch đào tạo từng năm học.

+ Đối chiếu số lên lớp, kế hoạch giảng dạy các kỳ học/năm học, số theo dõi sinh viên thực tập tại doanh nghiệp với chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo: đã đảm bảo khối lượng kiến thức toàn khóa là 34 môn học, mô đun = 117 tín chỉ = 3.000 giờ, trong đó 06 môn học chung = 32 tín chỉ = 450 giờ và 28 môn học, mô đun đào tạo nghề = 85 tín chỉ = 2.550 giờ.

+ Đã bố trí cho sinh viên thực tập tại doanh nghiệp (Hợp đồng số 2022/UMC-CĐNCNHN ngày 27/4/2022 giữa Trường và Công ty TNHH điện tử UMC Việt Nam); kết thúc chương trình thực tập có đánh giá kết quả thực tập của doanh nghiệp đối với sinh viên.

+ Hiệu trưởng đã ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp đối với 29/33 sinh viên lớp CD44 công nghệ ô tô 1 niên khóa 2020 - 2023 (Quyết định số 412/QĐ-CDNCN ngày 28/6/2023 và Quyết định số 828/QĐ-CDNCN ngày 17/11/2023).

* Ngoài địa điểm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: không phát sinh.

6.3. Việc liên kết đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông

* Việc liên kết đào tạo: không phát sinh.

* Việc tổ chức đào tạo liên thông:

- Đã tổ chức đào tạo liên thông cho 167 người, trong đó: 02 người liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp (năm 2023); 165 người liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng (năm 2022: 88 người; năm 2023: 77 người).

- Kiểm tra hồ sơ đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng lớp CD46 công nghệ thông tin niên khóa 2022 - 2023, kết quả:

+ Đã ban hành chương trình đào tạo cao đẳng hệ liên thông (Quyết định số 599/QĐ-CDNCNC ngày 29/7/2022), kế hoạch đào tạo niên khóa 2022 - 2023 (văn bản ngày 29/7/2022).

+ Đối chiếu số lên lớp, kế hoạch giảng dạy các kỳ học/năm học với chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo: đã đảm bảo khối lượng kiến thức toàn khóa là 14 môn học, mô đun = 40 tín chỉ = 960 giờ, trong đó 04 môn học chung = 10 tín chỉ = 120 giờ và 10 môn học, mô đun đào tạo nghề = 30 tín chỉ = 840 giờ.

+ Hiệu trưởng đã ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp đối với 12/20 sinh viên lớp CD46 cao đẳng công nghệ thông tin liên thông niên khóa 2022 - 2023 (Quyết định số 412/QĐ-CDNCN ngày 28/6/2023 và Quyết định số 828/QĐ-CDNCN ngày 17/11/2023).

- Liên thông trình độ cao đẳng để người học được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai: không phát sinh.

6.4. Việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề

- Việc triển khai thực hiện:

+ Đã thành lập hội đồng thi tốt nghiệp, các tiểu ban giúp việc Hội đồng thi tốt nghiệp: năm 2022, Quyết định số 278/QĐ-CDNCN ngày 01/4/2022 thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp cao đẳng khóa 43, trung cấp khóa 44, trung cấp song song với văn hóa, giáo dục thường xuyên, Quyết định số 493/QĐ-CDNCN ngày 17/6/2022 thành lập các tiểu ban của Hội đồng thi tốt nghiệp cao đẳng, Quyết định số 640/QĐ-CDNCN ngày 11/8/2022 thành lập các tiểu ban của Hội đồng thi tốt nghiệp trung cấp; năm 2023, Quyết định số 268/QĐ-CDNCN ngày 19/4/2023 thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp cao đẳng khóa 44, trung cấp khóa 45, trung cấp song song với văn hóa, giáo dục thường xuyên, Quyết định số 269/QĐ-CDNCN ngày 19/4/2023 thành lập các tiểu ban của Hội đồng thi tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp, Quyết định số 373/QĐ-CDNCN ngày 12/6/2023 thành lập các tiểu ban của Hội đồng thi tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp.

+ Đã ban hành quy chế đào tạo, trong đó có nội dung kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp tại Quyết định số 421/QĐ/QĐ-CĐNCN ngày 16/5/2022, Quyết định số 465/QĐ/QĐ-CĐNCN ngày 25/7/2023.

- Kết quả thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho người học:

+ Tổng số người học nghề đủ điều kiện dự kiểm tra, thi tốt nghiệp 3.542 người (trình độ cao đẳng: 1.356 người; trình độ trung cấp: 732 người, trình độ sơ cấp: 43 người và đào tạo dưới 03 tháng: 1.411 người).

+ Tổng số người học nghề dự kiểm tra, thi tốt nghiệp 3.432 người (trình độ cao đẳng: 1.356 người; trình độ trung cấp: 720 người, trình độ sơ cấp: 43 người và đào tạo dưới 03 tháng: 1.313 người).

+ Tổng số người được công nhận tốt nghiệp 3.432 người (trình độ cao đẳng: 1.356 người; trình độ trung cấp: 720 người, trình độ sơ cấp: 43 người và đào tạo dưới 03 tháng: 1.313 người).

7. Công tác giáo vụ

- Hiệu trưởng đã ban hành biểu mẫu, hồ sơ, sổ quản lý đào tạo kèm theo Quyết định số 107/QĐ-CĐNCN ngày 11/02/2022, Quyết định số 390/QĐ-CĐNCN ngày 20/6/2023. Hồ sơ, sổ quản lý đào tạo gồm: chương trình đào tạo; kế hoạch đào tạo; tiến độ đào tạo; thời khóa biểu; sổ lên lớp; sổ quản lý sinh viên; sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp; sổ cấp bằng tốt nghiệp; kế hoạch giảng dạy; giáo án; sổ tay giáo viên.

- Kiểm tra hồ sơ, sổ quản lý đào tạo trình độ cao đẳng lớp CĐ44 công nghệ ô tô 1 niên khóa 2020 - 2023, kết quả: đầy đủ hồ sơ, sổ quản lý đào tạo.

8. Công tác quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ

- Đã phê duyệt mẫu phôi bằng, chứng chỉ tốt nghiệp (Quyết định số 214/QĐ-CĐNCNHN ngày 17/3/2022); đã báo cáo mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở LĐTĐHXH thành phố Hà Nội, Công an thành phố Hà Nội (Công văn số 53/CĐNCN-ĐT ngày 05/04/2022); báo cáo quá trình thực hiện in phôi, sử dụng phôi bằng chứng chỉ tốt nghiệp (Công văn số 276/CĐNCN-ĐT ngày 31/12/2022, Công văn số 392/CĐNCN-ĐT ngày 30/12/2023).

- Đã cập nhật dữ liệu văn bằng tốt nghiệp: công bố công khai thông tin về cấp bằng tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường (<https://hnivc.edu.vn/>) và cung cấp các thông tin về cấp bằng tốt nghiệp trên hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến về cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp tại Trang thông tin tra cứu văn bằng giáo dục nghề nghiệp (<http://vanbang.gdnn.gov.vn>).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ đã in: 2.690 chiếc (năm 2022: 1.190 chiếc; năm 2023: 1.500 chiếc).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ sơ cấp đã sử dụng để cấp cho học sinh, sinh viên: 2.119 chiếc (năm 2022: 1.067 chiếc; năm 2023: 1.052 chiếc).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ hỏng do máy in bị lỗi font, định dạng: 77 chiếc (năm 2022: 35 chiếc; năm 2023: 42 chiếc). Trường đã thành lập Hội đồng, Ban thư ký hủy phôi bằng, chứng chỉ hỏng (Quyết định số 1049/QĐ-CĐNCN ngày

30/12/2022, Quyết định số 996/QĐ-CDNCN ngày 29/12/2023), đã tiến hành họp về việc hủy phôi bằng, chứng chỉ (biên bản ngày 30/12/2022, biên bản ngày 30/12/2023).

- Tổng số phôi bằng, chứng chỉ còn lại chưa sử dụng: 494 chiếc.

- Đã mở sổ theo dõi việc in và cấp phôi bằng tốt nghiệp; sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp; lập hồ sơ quản lý việc in, sử dụng phôi, cấp, hủy bỏ phôi bằng tốt nghiệp; đã cử cán bộ thuộc Phòng quản lý đào tạo làm công tác quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định pháp luật về giáo dục nghề nghiệp đã được Trường thực hiện

1.1. Đã thành lập Hội đồng trường và tổ chức họp định kỳ ít nhất 03 tháng/lần; đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; Hiệu trưởng đáp ứng các điều kiện theo quy định.

1.2. Diện tích đất sử dụng chung toàn Trường 25.656,2 m², đảm bảo diện tích đất sử dụng đối với trường cao đẳng thuộc khu vực đô thị theo quy định.

1.3. Diện tích phòng làm việc của Ban giám hiệu, các phòng khoa chuyên môn bình quân 25,46 m²/người đảm bảo theo quy định (tối thiểu 08 m²/người).

1.4. Diện tích phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thí nghiệm, phòng thực hành, thực tập dùng cho giảng dạy, học tập bình quân 6,5 m²/chỗ học đảm bảo theo quy định (tối thiểu 5,5 m²/chỗ học).

1.5. Có 14/15 nghề đào tạo trình độ cao đẳng được kiểm tra đủ thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định: công nghệ ô tô; công nghệ thông tin; cơ điện tử; cắt gọt kim loại; điện công nghiệp; kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; điện tử công nghiệp; điện dân dụng; công nghệ kỹ thuật cơ khí; truyền thông và mạng máy tính; công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà; quản trị du lịch và dịch vụ lễ hành; chăm sóc sắc đẹp; hàn.

1.6. Có 163/163 nhà giáo đạt chuẩn theo quy định, 127 nhà giáo cơ hữu (chiếm tỷ lệ 77,9%) đảm bảo đảm nhận tối thiểu là 60% chương trình của ngành nghề đào tạo; tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên là 19,7 đảm bảo theo quy định (tối đa không quá 25 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên).

1.7. Đã xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo cho các nghề được đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

1.8. Đã ban hành quy chế tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh theo quy định.

1.9. Đã tuyển sinh 4.289 người (trình độ cao đẳng 1.990 người; trình độ trung cấp 861 người; trình độ sơ cấp 32 người; đào tạo dưới 03 tháng 1.421 người); thực hiện đăng ký, thông báo tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh theo quy định.

1.10. Đã ban hành quy chế đào tạo và công khai các nội dung về đào tạo theo

quy định; đã tổ chức đào tạo 333 lớp cho 9.380 lượt học sinh, sinh viên. Hồ sơ đào tạo trình độ cao đẳng lớp CĐ44 công nghệ ô tô 1 niên khóa 2020 - 2023, đào tạo liên thông trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng lớp CĐ46 công nghệ thông tin niên khóa 2022 - 2023 đảm bảo khối lượng kiến thức toàn khóa theo chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo.

1.11. Đã thành lập Hội đồng thi, kiểm tra; tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho 3.432 người.

1.12. Đã ban hành quy định cụ thể về biểu mẫu báo cáo, sổ quản lý về công tác đào tạo; đã ghi chép đầy đủ hồ sơ, sổ quản lý đào tạo trình độ cao đẳng lớp CĐ44 công nghệ ô tô 1 niên khóa 2020 - 2023.

1.13. Đã ban hành quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng, chứng chỉ tốt nghiệp và báo cáo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở LĐTĐBXH thành phố Hà Nội và Công an thành phố Hà Nội; đã mở sổ theo dõi, quản lý việc in, sử dụng phôi, cấp, hủy bỏ phôi bằng tốt nghiệp theo quy định.

2. Những quy định pháp luật về GDNN chưa được Trường thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Thư viện chưa có phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTĐBXH.

2.2. Nghề thiết kế đồ họa thiếu 04/603 thiết bị, chiếm tỷ lệ 0,7% (thiếu: 01 công cụ tạo hình ảnh holographic; 01 máy in bạt khổ lớn; 02 máy in, khắc bằng lazer máy phi kim) theo quy định tại Phụ lục số 15b kèm theo Thông tư số 26/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho một số nghề thuộc nhóm nghề điện, điện tử; công nghệ thông tin; nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; dịch vụ và chế biến.

2.3. Quy định chế độ làm việc của nhà giáo ban hành kèm theo Quyết định số 213/QĐ-CDNCN ngày 28/3/2023 của Hiệu trưởng chưa quy định số giờ nghiên cứu khoa học tối thiểu mà nhà giáo phải thực hiện trong năm học theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

2.4. Bố trí 14 lớp học tích hợp đào tạo trình độ cao đẳng ngành công nghệ ô tô học kỳ 1 năm học 2023 - 2024 vượt quá quy mô từ 50% đến 172,2% theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2022.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPVPHC ngày 18/01/2024 đối với Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội về hành vi bố trí số lượng người học vượt quá quy mô lớp học.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội

Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH yêu cầu Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội khắc phục các sai phạm, thiếu sót như sau:

1.1. Bố trí phần mềm và trang thiết bị phục vụ việc mượn, tra cứu tài liệu cho thư viện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

1.2. Bổ sung thiết bị đào tạo còn thiếu cho nghề thiết kế đồ họa trình độ cao đẳng để đảm bảo thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định tại Phụ lục số 15b ban hành kèm theo Thông tư số 26/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019.

1.3. Bổ sung số giờ nghiên cứu khoa học tối thiểu mà nhà giáo phải thực hiện trong năm học tại quy định chế độ làm việc của nhà giáo theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022.

1.4. Sắp xếp, bố trí lớp học tích hợp không vượt quá quy mô lớp học theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022.

1.5. Thực hiện nghiêm Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPVPHC ngày 18/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH.

2. Đối với UBND thành phố Hà Nội

Chỉ đạo, đôn đốc Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội thực hiện các kiến nghị nêu tại mục 1 Phần VI Kết luận thanh tra này.

VII. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội thực hiện niêm yết Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của Trường trong thời gian ít nhất là 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra; thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần VI Kết luận thanh tra này và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện (kèm tài liệu minh chứng) về Thanh tra Bộ LĐTBXH, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/3/2024./.

Nơi nhận:

- Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tân Dũng (để b/c);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- UBND thành phố Hà Nội (để chỉ đạo t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Thị Hồng Diệp

Phụ lục số 01: Tổng hợp chương trình đào tạo Trường đã xây dựng

STT	Tên chương trình đào tạo	Kế hoạch, quyết định
I	Năm 2021	
	<p>1.1. Điện công nghiệp - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ. - Cao đẳng liên thông: 1.000 giờ. - Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>1.2. Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ. - Liên thông cao đẳng: 1.000 giờ. - Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>1.3. Điện tử dân dụng - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ.</p> <p>1.4. Điện tử công nghiệp - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ.</p> <p>1.5. Tự động hóa công nghiệp - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ.</p> <p>1.6. Kế toán doanh nghiệp - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ. - Cao đẳng liên thông: 1.000 giờ. - Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>1.7. Cơ điện tử - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ.</p> <p>1.8. Cắt gọt kim loại - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ. - Cao đẳng liên thông: 1.000 giờ. - Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>1.9. Hàn - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ. - Cao đẳng liên thông: 1.000 giờ. - Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>1.10. Thương mại điện tử - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ.</p> <p>1.11. Quản trị mạng máy tính - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ.</p> <p>1.12. Công nghệ thông tin UDPM - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ. - Cao đẳng liên thông: 1.000 giờ. - Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>1.13. Thiết kế đồ họa - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ. - Cao đẳng liên thông: 1.000 giờ. - Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>1.14. Công nghệ ô tô - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ. - Cao đẳng liên thông: 1.000 giờ. - Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>1.15. Chăm sóc sắc đẹp</p>	<p>- Kế hoạch biên soạn số 07/KH-CĐNCN ngày 18/01/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 14/QĐ-CĐNCN ngày 05/01/2021. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 170/QĐ-CĐNCN ngày 06/4/2021. - Quyết định ban hành chương trình số 268/QĐ-CĐNCN ngày 21/6/2021.</p>

STT	Tên chương trình đào tạo	Kế hoạch, quyết định
	<p>- Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>1.16. Kỹ thuật chăm sóc tóc - Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>1.17. Hàn điện - Sơ cấp bậc 1: 375 giờ. - Sơ cấp bậc 2: 750 giờ. - Sơ cấp bậc 3: 1.035 giờ.</p> <p>1.18. Sửa chữa điện dân dụng - Sơ cấp bậc 1: 375 giờ. - Sơ cấp bậc 2: 750 giờ.</p> <p>1.19. Lắp đặt và sửa chữa điện nước - Sơ cấp bậc 1: 375 giờ. - Sơ cấp bậc 2: 750 giờ. - Sơ cấp bậc 3: 1.035 giờ.</p> <p>1.20. Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí - Sơ cấp bậc 1: 375 giờ. - Sơ cấp bậc 2: 750 giờ. - Sơ cấp bậc 3: 1.035 giờ.</p>	
	<p>1.21. Thiết kế tạo mẫu tóc - Sơ cấp bậc 1: 375 giờ. - Sơ cấp bậc 2: 750 giờ. - Sơ cấp bậc 3: 1.035 giờ.</p> <p>1.22. Trang điểm thẩm mỹ - Sơ cấp bậc 1: 375 giờ. - Sơ cấp bậc 2: 750 giờ. - Sơ cấp bậc 3: 1.035 giờ.</p> <p>1.23. Vẽ móng nghệ thuật - Sơ cấp bậc 1: 375 giờ.</p> <p>1.24. Chăm sóc da - Sơ cấp bậc 1: 375 giờ.</p>	<p>- Kế hoạch biên soạn số 07/KH-CDNCN ngày 18/01/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 228/QĐ-CDNCN ngày 10/05/2021. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 253/QĐ-CDNCN ngày 07/6/2021. - Quyết định ban hành chương trình số 330/QĐ-CDNCN ngày 12/8/2021.</p>
II	NĂM 2022	
	<p>1. Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ.</p> <p>2. Lắp đặt thiết bị lạnh - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ.</p>	<p>- Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CDNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CDNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CDNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành chương trình số 531/QĐ-CDNCN ngày 29/6/2022.</p>
	<p>3. Truyền thông và mạng máy tính. - Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ. - Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>4. Kỹ thuật lập trình, gia công trên máy CNC</p>	<p>- Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CDNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 871/QĐ-CDNCN ngày 31/10/2022.</p>

STT	Tên chương trình đào tạo	Kế hoạch, quyết định
	<p>- Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ.</p> <p>5. Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà</p> <p>- Cao đẳng chính qui: 2.850 giờ.</p> <p>- Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>6. Công nghệ Hàn</p> <p>- Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p> <p>7. Du lịch lữ hành</p> <p>- Trung cấp chính qui: 1.850 giờ.</p>	<p>- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 918/QĐ-CĐNCN ngày 17/11/2022.</p>
III	NĂM 2023	
	<p>1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</p> <p>- Cao đẳng chính qui: 2.550 giờ.</p>	<p>- Kế hoạch biên soạn số 71/KH-CĐNCN ngày 14/12/2022.</p> <p>- Quyết định thành lập các tổ biên soạn, chỉnh sửa chương trình, giáo trình số 1012/QĐ- CĐNCN ngày 27/12/2022.</p> <p>- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định số 277/QĐ-CĐNCN ngày 24/4/2023.</p> <p>- Quyết định ban hành chương trình số 372/QĐ-CĐNCN ngày 12/6/2023.</p>

Phụ lục số 02: Tổng hợp giáo trình đào tạo Trường đã xây dựng

STT	Tên giáo trình đào tạo	Quyết định	Trình độ đào tạo
I	Năm 2022		
1	Công nghệ ô tô 1.1. Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều khiển động cơ xăng 1.2. Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều khiển động cơ diesel 1.3. Kiểm tra, sửa chữa mạng truyền thông ô tô 1.4. Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô 1.5. Chuẩn đoán sửa chữa hộp số tự động	- Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số Quyết định số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình: Quyết định số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022.	Cao đẳng
2	Công nghệ thông tin 2.1. Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL server 2.2. Lập trình web với PHP 2.3. Lập trình Javascript 2.4. Lập trình C#.Net 2.5. Lập trình ADO.Net	- Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022.	Cao đẳng
3	Thiết kế đồ họa 3.1. Cơ sở kỹ thuật đồ họa 3.2. Xử lý ảnh 3.3. Thiết kế minh họa với Adobe Illustrator 3.4. Chế bản điện tử 3.5. Thiết kế 3D	- Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022.	Cao đẳng
4	Cơ điện tử 4.1. Vẽ và thiết kế cơ khí 4.2. Nguội cơ bản 4.3. Điều khiển khí nén 4.4. rô bốt công nghiệp 4.5. Lập trình PLC	- Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022.	Cao đẳng
5	Cắt gọt kim loại 5.1. Tiện trụ ngoài 5.2. Phay bào mặt phẳng 5.3. Tiện ren tam giác	- Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021.	Cao đẳng

STT	Tên giáo trình đào tạo	Quyết định	Trình độ đào tạo
	5.4. Phay bào mặt bậc- rãnh 5.5. Phay CNC	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022. 	
6	Hàn 6.1. Hàn hồ quang tay cơ bản 6.2. Hàn hồ quang tay cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022. 	Cao đẳng
7	Kế toán doanh nghiệp 7.1. Kế toán doanh nghiệp 1 7.2. Kế toán doanh nghiệp 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022. 	Cao đẳng
8	Điện công nghiệp 8.1. Đo lường điện 8.2. Lắp đặt và vận hành mạch trang bị điện công nghiệp 8.3. Lắp đặt hệ thống điện thông minh 8.4. Vẽ kỹ thuật điện và Autocad 8.5. Cung cấp điện 8.6. Vật liệu điện- khí cụ điện	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022. 	Cao đẳng
9	Tự động hóa công nghiệp 9.1. Điều khiển lập trình PLC 1 9.2. Truyền động điện 9.3. Thiết kế hệ thống mạng điện công nghiệp 9.4. Điều khiển khí nén 9.5. Rô bốt công nghiệp 9.6. Hệ thống điều khiển và giám sát Scada-DCS	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. 	Cao đẳng

STT	Tên giáo trình đào tạo	Quyết định	Trình độ đào tạo
		- Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022.	
10	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK 10.1. Lạnh cơ bản 10.2. Lắp đặt, bảo dưỡng hệ thống máy lạnh công nghiệp 10.3. Lắp đặt bảo dưỡng và sửa chữa điều hòa không khí cục bộ 10.4. Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí trung tâm	- Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022.	Cao đẳng
11	Điện tử công nghiệp 11.1. Kỹ thuật cảm biến 11.2. Thiết kế mạch in 11.3. Lập trình vi điều khiển 11.4. Lập trình C cơ bản 11.5. Chế tạo mạch in 11.6. Mạng truyền thông công nghiệp	- Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022.	Cao đẳng
12	Điện tử dân dụng 12.1. Hệ thống an ninh giám sát 12.2. Điện tử ứng dụng trong tự động điều khiển 12.3. Kỹ thuật vi điều khiển 12.4. Công nghệ IOT và ứng dụng	- Kế hoạch biên soạn số 52/KH-CĐNCN ngày 27/12/2021. - Quyết định thành lập tổ biên soạn, chỉnh sửa số 31/QĐ-CĐNCN ngày 11/01/2022. - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 387/QĐ-CĐNCN ngày 04/5/2022. - Quyết định ban hành giáo trình số 531/QĐ-CĐNCN ngày 29/6/2022.	Cao đẳng
Tổng năm 2022: 55 giáo trình			
II	Năm 2023		
1	Điện công nghiệp 1.1. Cơ sở kỹ thuật điện 1.2. Máy điện 1.3. Thiết bị điện gia dụng	- Kế hoạch biên soạn số 71/KH-CĐNCN ngày 14/12/2022. - Quyết định thành lập các tổ biên soạn, chỉnh sửa chương trình, giáo trình số 1012/QĐ- CĐNCN ngày 27/12/2022.	Cao đẳng
2	Điện tử dân dụng 2.1. Đo lường điện	- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định số 277/QĐ-CĐNCN ngày 24/4/2023.	Cao đẳng
3	Điện tử công nghiệp 3.1. Linh kiện điện tử 3.2. Chuyên đề 1: Lập trình vi điều khiển Pic 3.3. Kỹ thuật xung số	- Quyết định ban hành giáo trình số 372/QĐ-CĐNCN ngày 12/6/2023.	Cao đẳng

STT	Tên giáo trình đào tạo	Quyết định	Trình độ đào tạo
4	Thiết kế đồ họa 4.1. Mỹ thuật cơ bản 4.2. Kỹ thuật chụp ảnh 4.3. Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu 4.4. Thiết kế bao bì		Cao đẳng
5	Công nghệ thông tin UDPM 5.1. Hệ điều hành Windows sever 5.2. Hệ điều hành Linux 5.3. Thiết kế và quản trị Website		Cao đẳng
6	Công nghệ ô tô 6.1. Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí 6.2. Chuẩn đoán hệ thống điều khiển điện thân xe 6.3. Chuẩn đoán khắc phục rung động và tiếng ồn xe 6.4. Tiếng anh chuyên ngành CN ô tô		Cao đẳng
7	Cơ điện tử 7.1. Kỹ thuật đo lường và cảm biến. 7.2. Công nghệ cad/cam.cnc 7.3. Lắp đặt, vận hành hệ thống cơ điện tử		Cao đẳng
8	Tự động hóa công nghiệp 8.1. Điều khiển logic 8.2. Điện tử công suất		Cao đẳng
9	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa KK 9.1. Kỹ thuật nhiệt – lạnh và điều hòa không khí		Cao đẳng
10	Cắt gọt kim loại 10.1. Phay nâng cao		Cao đẳng
11	Kế toán doanh nghiệp 11.1. Kế toán thuế		Cao đẳng
12	Công nghệ kỹ thuật cơ khí 12.1. Thực tập hàn nâng cao 12.2. Thiết kế khuôn mẫu		Cao đẳng
13	Chăm sóc sắc đẹp 13.1. Chăm sóc da cơ bản 13.2. Vẽ móng nghệ thuật cơ bản		Trung cấp
14	Công nghệ thông tin 14.1. Thiết kế website bằng HTML5 và CSS3 14.2. Lập trình cơ bản		Trung cấp
15	Điện công nghiệp 15.1. Kỹ thuật lắp đặt điện 15.2. Mạng truyền thông công nghiệp Scada 15.3. An toàn vệ sinh lao động	- Kế hoạch biên soạn số 71/KH-CĐNCN ngày 14/12/2022. - Quyết định thành lập các tổ biên soạn, chỉnh sửa chương trình, giáo trình số 312/QĐ- CĐNCN ngày 10/5/2023.	Cao đẳng
16	Điện tử công nghiệp		Cao đẳng

STT	Tên giáo trình đào tạo	Quyết định	Trình độ đào tạo
	16.1. Kỹ thuật mạch điện tử 1 16.2. Kỹ thuật mạch điện tử 2	- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định số 571/QĐ-CĐNCN ngày 22/8/2023. - Quyết định ban hành giáo trình số 680/QĐ-CĐNCN ngày 02/10/2023.	
17	Tự động hóa công nghiệp 17.1. Lắp đặt, vận hành dây truyền tự động hóa công nghiệp		Cao đẳng
18	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí 18.1. Chuyên đề: Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa điều hòa không khí Multy và VRV 18.2. Thực tập hàn		Cao đẳng
19	Thiết kế đồ họa 19.1. Kỹ xảo video 19.2. Thiết kế website		Cao đẳng
20	Công nghệ thông tin UDPM 20.1. Mạng máy tính 20.2. Thiết kế website 20.3. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin		Cao đẳng
21	Kế toán doanh nghiệp 21.1. Kiểm toán		Cao đẳng
22	Công nghệ ô tô 22.1. Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh 22.2. Kỹ thuật điện- điện tử ô tô		Cao đẳng
23	Cơ điện tử 23.1. Kỹ thuật gia công cơ khí 23.2. Điện tử cơ bản 23.3. Điều khiển thủy lực 23.4. Tiếng anh chuyên ngành cơ điện tử		Cao đẳng
24	Cắt gọt kim loại 24.1. Vẽ kỹ thuật 24.2. Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật. 24.3. Vẽ thiết kế cơ khí 3D(Cad/Cam)		Cao đẳng
25	Công nghệ kỹ thuật cơ khí 25.1. Thực tập CNC		Cao đẳng
26	Công nghệ thông tin 26.1. Cơ sở dữ liệu 26.2. Tin học văn phòng nâng cao 26.3. Lắp ráp, cài đặt, bảo trì máy tính và thiết bị ngoại vi	Trung cấp	
Tổng năm 2023: 59 giáo trình			